

MỐI QUAN HỆ GIỮA CẤU TRÚC ĐỀ - THUYẾT VỚI CẤU TRÚC CÚ PHÁP, CẤU TRÚC NGHĨA BIỂU HIỆN CỦA CÂU CÓ VỊ TỐ NHƯ

LÊ THỊ BÌNH *

Tóm tắt: Dựa trên mô hình lý thuyết về Ngữ pháp chức năng của M.A.K Halliday, bài viết nghiên cứu và chỉ ra mối quan hệ giữa cấu trúc đề - thuyết với cấu trúc cú pháp, cấu trúc nghĩa biểu hiện của câu có vị tố *như*, thông qua các ví dụ và dẫn ngữ cụ thể.

Từ khóa: Mô hình chức năng; ngữ pháp chức năng; vị tố; sự tình quan hệ; cấu trúc nghĩa biểu hiện; tham thể; sự tình nòng cốt; cấu trúc cú pháp...

Dẫn nhập

Theo S. Dik, ngữ pháp chức năng là một lý thuyết tiếp cận ngôn ngữ từ quan điểm của mô hình chức năng. Theo mô hình chức năng, ngôn ngữ được nghiên cứu với tư cách là một công cụ tương tác xã hội, là phương tiện thực hiện sự giao tiếp giữa con người và con người. Ngữ pháp chức năng lấy câu (câu đơn) làm đơn vị trung tâm. “Cái mới của ngữ pháp chức năng là không chỉ dừng lại với cấu trúc hình thức của câu mà xem xét câu ở cả các chức năng khác nữa”⁽¹⁾. Lý thuyết ngữ pháp chức năng đã được vận dụng để nghiên cứu câu tiếng Việt. Bài viết đề cập đến một kiểu câu quan hệ: câu có vị tố *như* - loại câu xuất hiện nhiều trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt – được tiếp cận từ quan điểm của ngữ pháp chức năng với ba loại cấu trúc (cấu trúc cú pháp, cấu trúc nghĩa biểu hiện, cấu trúc đề - thuyết) đã được luận giải trong một công trình gần đây của tác giả Diệp Quang Ban⁽²⁾.

1. Câu có vị tố *như*

Câu có vị tố *như* là một trong những kiểu câu biểu thị sự tình quan hệ trong mô hình lý thuyết ngữ pháp chức năng của M.A.K Halliday. Trong tiếng Việt, câu có vị tố *như* được dùng để nêu quan hệ so sánh.

Ở trường hợp điển hình, câu có vị tố *như* có mô hình cú pháp: chủ ngữ - vị tố - bổ ngữ. Trong quan hệ với cấu trúc nghĩa biểu hiện, chủ ngữ chỉ *cái được so sánh*, vị tố *như* chỉ *quan hệ so sánh* và bổ ngữ chỉ *cái dùng để so sánh*. Ví dụ:

(1) Thân chị như cánh hoa sen. (Tục ngữ - ca dao Việt Nam, tr. 286)

Câu ca dao trên diễn đạt sự tình quan hệ so sánh. Sự tình quan hệ này được thiết lập trên cơ sở đối chiếu hai thực thể tương đồng “thân chị” và “cánh hoa sen”. “Thân chị” là thực thể được đưa ra đối chiếu để người đọc, người nghe nhận thức rõ hơn (được gọi là thể / cái được so sánh), còn thực thể “cánh hoa sen” được coi như vật mốc, vật chuẩn của sự so sánh (được gọi là thể / cái dùng để so sánh). Hai tham thể này xuất hiện trong sự tình do sự đòi hỏi, ấn định của quan hệ so sánh được biểu thị bằng vị tố *như*.

Như vậy, mô hình về cấu trúc cú pháp và cấu trúc nghĩa biểu hiện ở trường hợp điển hình nhất có thể được biểu diễn như sau:

(*) Giảng viên Trường ĐH Hồng Đức - Thanh Hóa.

⁽¹⁾ Diệp Quang Ban (2009), *Giao tiếp, diễn ngôn và cấu tạo văn bản*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr.527.

⁽²⁾ Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.

Cấu trúc cú pháp	Chủ ngữ	Vị tố	Bổ ngữ
Cấu trúc NBH	Cái được so sánh	Quan hệ so sánh	Cái dùng để so sánh

Trong kiểu câu này, chủ ngữ có thể là một từ (danh từ, động từ, tính từ) một cụm từ hoặc một “câu bị bao”. Bổ ngữ cũng có cấu tạo là một từ hoặc cụm từ, một “câu bị bao”. Vị tố *như* có thể kết hợp với những từ khác tạo thành tổ hợp từ: *như là, y như, giống như...*

Sau đây là một số ví dụ và khuôn hình cú pháp, nghĩa biểu hiện của câu có vị tố *như*.

(2) [Đấy anh coi, đàn bà phải chứa đầy nước mắt trong người mới là đàn bà.] Đàn bà cũng như đất cát màu mỡ, cây cối tốt tươi. (Nguyễn Minh Châu - tác phẩm chọn lọc, tr. 182).

	Đàn bà	cũng như	đất cát màu mỡ, cây cối tốt tươi.
CT CP	Chủ ngữ	Vị tố	Bổ ngữ
CT NBH	Cái được so sánh	Quan hệ so sánh	Cái dùng để so sánh

(3) [Hắn liếc nhìn vào.] Tối như hang. (Tuyển tập Nam Cao, tập 1, tr. 540)

	Tối	như	hang.
CT CP	Chủ ngữ	Vị tố	Bổ ngữ
CT NBH	Cái được so sánh	Quan hệ so sánh	Cái dùng để so sánh

Vị tố *như* biểu thị quan hệ so sánh được phân biệt với trường hợp hư từ *như* hoặc tổ hợp chứa *như* (*đường như, hình như...*) dùng để biểu thị tính tình thái. Trong các ví dụ sau *như, đường như* biểu thị ý nghĩa tình thái:

(4) Không gian *như* lắng đọng. (Ca Huế trên sông Hương, Ngữ văn 7 – tập 2, tr.102).

(5) Gió *đường như* chớm lạnh. (Truyện ngắn hay báo Thanh niên 2008, tr.84).

Ở ví dụ (4) và (5), “lắng đọng”, “chớm lạnh” là vị tố của câu, “như”, “đường như” là các yếu tố mang tính tình thái thể hiện sự đánh giá, cảm nhận chủ quan của người viết do sự khơi gợi của hoàn cảnh. Các trường hợp này không thuộc đối tượng của bài viết.

2. Các dạng thể của câu có vị tố *như* (xét trên bình diện cấu tạo ngữ pháp)

Trong ngữ pháp chức năng, bình diện ngữ pháp là một trong ba bình diện của câu. Bình diện ngữ pháp của câu là bình diện của các mối quan hệ ngữ pháp giữa các đơn vị ngữ pháp trong câu. Ở bình diện ngữ pháp, các vấn đề thường được quan tâm nghiên cứu là các chức vụ cú pháp của các yếu tố ngôn ngữ làm thành

cấu trúc cú pháp của câu và các kiểu cấu tạo ngữ pháp của câu. Trên bình diện ngữ pháp, câu có vị tố *như* xuất hiện với các dạng cấu tạo ngữ pháp sau:

2.1. Dạng: Chủ ngữ - vị tố - bổ ngữ

Đây là dạng đầy đủ các thành phần cốt yếu của câu có vị tố *như* với trình tự sắp xếp được ưu tiên sử dụng. “Chủ ngữ”, “vị tố”, “bổ ngữ” là các yếu tố cần và đủ cho việc diễn đạt một sự tình quan hệ. Ví dụ:

(6) Toa riêng của chúng tôi *như* một cái hộp chặt. (Truyện ngắn hay báo Thanh niên 2008, tr.101)

(7) Những mảnh trai sáng loáng tua tua cắm thẳng trên tường, *như* lưỡi lê của đội quân canh đứng đều rầm rắp. (Bước đường cùng, Nguyễn Công Hoan, tr. 26)

(8) Cây tràm quấn dây tơ hồng *như* người đàn bà đứng xoa tóc, tay vẫy vẫy. (Đất rừng phương Nam, Đoàn Giỏi, tr.149)

(9) Mát *y như* quạt hâu. (Tuyển tập Nam Cao, tập 1, tr.58)

2.2. Dạng: Gia ngữ - chủ ngữ - vị tố - bổ ngữ

Trong cấu trúc cú pháp của câu có vị tố *như* có thể xuất hiện thành phần gia ngữ (trạng ngữ) bên cạnh cấu trúc cơ sở để bổ

sung về một phương diện nào đó cho sự tình nòng cốt (được diễn đạt bằng cấu trúc cơ sở). Đó là *không gian, thời gian, tình huống, nguyên nhân, mục đích*... Ví dụ (gia ngữ in nghiêng):

(10) *Sau lưng họ*, mảnh trăng cuối tháng như một cái đĩa bị vỡ. (Nguyễn Minh Châu - *tác phẩm chọn lọc*, tr.171)

(11) *Những ngày ấy*, tôi như người trên mây, chân đi không bén đất. (Văn xuôi các dân tộc thiểu số, tr. 324)

Hơn nữa, sự xuất hiện của thành phần gia ngữ còn phản ánh cách thức tổ chức câu với tư cách là một thông điệp. Lúc này, khởi đầu cho câu nói là các từ ngữ thuộc thành phần gia ngữ. Có nghĩa là, gia ngữ - cảnh huống được người nói/viết lựa chọn làm xuất phát điểm của câu. Trong phạm vi nghiên cứu của bài viết, chúng tôi thấy rằng: sự xuất hiện của gia ngữ đã làm thay đổi chức năng làm đề của các yếu tố cú pháp.

2.3. Dạng: Chủ ngữ - gia ngữ - vị tố - bổ ngữ

Ở dạng này, cấu trúc cú pháp của câu tương tự dạng trên. Tuy nhiên, thành phần gia ngữ có vị trí sau chủ ngữ. Ví dụ (gia ngữ in nghiêng):

(12) Con đường nhựa, *dưới vòm cây tối đen thăm thẳm*, như một dòng sông chảy trong hang. (Sống mòn, Tuyển tập Nam Cao, Tập 2, tr.156)

Mặc dù không ảnh hưởng đến nghĩa biểu hiện của câu nhưng trật tự sắp xếp này đã làm thay đổi chức năng làm phần đề / phần thuyết của gia ngữ. Đây là một minh chứng về cách thức tổ chức thông điệp của câu với việc lựa chọn từ ngữ làm xuất phát điểm cho câu nói.

2.4. Dạng: Biệt tố - chủ ngữ - vị tố - bổ ngữ

So với các dạng câu trên, trong cấu tạo ngữ pháp của dạng câu này có sự xuất hiện của yếu tố tình thái (biệt tố). Ví dụ (biệt tố in nghiêng):

(13) *Quả đúng như lời ông Dự*, nó như

thằng ăn cắp chợ. (*Truyện ngắn Nguyễn Công Hoan*, tr.120)

Tuy không tham gia diễn đạt nghĩa biểu hiện của câu nhưng biệt tố sẽ đem đến một giá trị tình thái nào đó cho câu nói. Nó thể hiện thái độ, sự đánh giá... của người nói đối với người nghe và đối với nội dung được phản ánh trong câu. Ngoài ra, biệt tố còn làm nên sự khác biệt trong tổ chức phần đề của cấu trúc đề - thuyết.

2.5. Dạng: Liên tố - chủ ngữ - vị tố - bổ ngữ

Đây là dạng câu có sự xuất hiện của yếu tố liên kết (liên tố) trong cấu tạo ngữ pháp của câu. Ví dụ (liên tố in nghiêng):

(14) [Chẳng có gì hơn được, chỉ có công việc, công việc và công việc mới nuôi dưỡng niềm đam mê lâu dài trong ông.] *Còn tất cả những cái khác*, sẽ như cơn gió thoảng qua thôi. (*Truyện ngắn hay Báo Thanh niên 2008*, tr.75)

Liên tố tuy không tham gia diễn đạt nghĩa biểu hiện của câu nhưng có tác dụng tạo sự liên kết cho ngôn bản. Nó tạo nên sự liên kết chặt chẽ của câu chứa nó với câu khác hoặc với tình huống giao tiếp. Đồng thời, liên tố cũng làm nên tính đa dạng trong cấu tạo phần đề của cấu trúc đề - thuyết.

3. *Mối quan hệ giữa cấu trúc đề thuyết (viết tắt: CT Đ-T) với cấu trúc cú pháp (viết tắt: CT CP), cấu trúc nghĩa biểu hiện (viết tắt: CT NBH) trong câu có vị tố như*

Mối quan hệ giữa cấu trúc đề - thuyết, cấu trúc cú pháp, cấu trúc nghĩa biểu hiện trong câu có vị tố *như* thể hiện rất phong phú. Lấy cấu trúc cú pháp làm cơ sở, mối quan hệ này được mô tả qua các dạng câu đã đề cập ở phần trên. Biệt tố, liên tố không thuộc nhóm chức năng cú pháp của câu, song, bởi tư cách của các yếu tố này trong cấu trúc đề - thuyết nên chúng tôi phân tích chúng trong khung chung của cấu trúc cú pháp. Liên tố, biệt tố không quan hệ với cấu trúc nghĩa biểu hiện

nhưng quan hệ với các thành tố trong cấu trúc đề – thuyết. Đây cũng chính là một biểu hiện cho mối quan hệ giữa các thành tố trong ba cấu trúc mà bài viết xem xét.

3.1. Dạng câu “Chủ ngữ - vị tố - bổ ngữ”

Câu có vị tố *như* diễn đạt quan hệ so sánh được tổ chức gồm ba thành tố thuộc cấu trúc cơ sở (chủ ngữ, vị tố và bổ ngữ) là phổ biến nhất. Khi đó, phần đề của cấu trúc đề – thuyết được thể hiện bằng phần chủ

ngữ (của cấu trúc cú pháp), bằng phần “cái được so sánh” (của cấu trúc nghĩa biểu hiện). Phần thuyết là kết cấu “vị tố + bổ ngữ” (của cấu trúc cú pháp), là kết cấu “quan hệ so sánh + cái dùng để so sánh” (của cấu trúc nghĩa biểu hiện). Các câu 6, 7, 8, 9 thuộc loại này.

Cấu trúc cú pháp, cấu trúc nghĩa biểu hiện và cấu trúc đề - thuyết của câu (6) được biểu diễn như sau:

	Toa riêng của chúng tôi	như	một cái hộp chật.
CT CP	Chủ ngữ	Vị tố	Bổ ngữ
CT NBH	Cái được so sánh	Quan hệ so sánh	Cái dùng để so sánh
CT Đ - T	Đề	Thuyết	

Cấu trúc cú pháp, cấu trúc nghĩa biểu hiện và cấu trúc đề - thuyết của câu (7) được biểu diễn như sau:

	Những mảnh trai sáng loáng cắm thẳng trên tường	như	lưỡi lê của đội quân canh đứng đều rầm rập.
CT CP	Chủ ngữ	Vị tố	Bổ ngữ
CT NBH	Cái được so sánh	Quan hệ so sánh	Cái dùng để so sánh
CT Đ - T	Đề	Thuyết	

Cấu trúc cú pháp, cấu trúc nghĩa biểu hiện và cấu trúc đề - thuyết của câu (8) được biểu diễn như sau:

	Cây tràm quán dây tơ hồng	như	người đàn bà đứng xoa tóc, tay vẩy vẩy.
CT CP	Chủ ngữ	Vị tố	Bổ ngữ
CT NBH	Cái được so sánh	Quan hệ so sánh	Cái dùng để so sánh
CT Đ - T	Đề	Thuyết	

Cấu trúc cú pháp, cấu trúc nghĩa biểu hiện và cấu trúc đề - thuyết của câu (9) được biểu diễn như sau:

	Mát	y như	quạt hâu.
CT CP	Chủ ngữ	Vị tố	Bổ ngữ
CT NBH	Cái được so sánh	Quan hệ so sánh	Cái dùng để so sánh
CT Đ - T	Đề	Thuyết	

3.2. Dạng câu “Gia ngữ - chủ ngữ - vị tố - bổ ngữ”

Câu có vị tố *như* được mở rộng bằng thành phần gia ngữ cũng xuất hiện nhiều. Trong các trường này, phần đề của câu là gia ngữ của cấu trúc cú pháp,

là phần nêu “cảnh huống” (nằm ngoài nội dung sự tình nòng cốt) của cấu trúc nghĩa biểu hiện. Phần thuyết là toàn bộ cấu trúc cơ sở của câu (gồm chủ ngữ, vị tố và bổ ngữ), là toàn bộ nội dung sự tình nòng cốt của cấu trúc nghĩa biểu hiện

(gồm: cái được so sánh, quan hệ so sánh và cái dùng để so sánh). Các câu 10, 11 thuộc loại này.

Cấu trúc cú pháp, cấu trúc nghĩa biểu hiện, cấu trúc đề - thuyết của câu (10) được biểu diễn như sau:

	Sau lưng họ,	mảnh trăng cuối tháng	như	một cái đĩa bị vỡ.
CT CP	Gia ngữ	Chủ ngữ	Vị tố	Bổ ngữ
CT NBH	Không gian	Cái được so sánh	Quan hệ so sánh	Cái dùng để so sánh
CT Đ - T	Đề	Thuyết		

Cấu trúc cú pháp, cấu trúc nghĩa biểu hiện, cấu trúc đề - thuyết của câu (11) được biểu diễn như sau:

	Những ngày ấy,	tôi	như	người trên mây, chân đi không bén gót.
CT CP	Gia ngữ	Chủ ngữ	Vị tố	Bổ ngữ
CT NBH	Thời gian	Cái được so sánh	Quan hệ: so sánh	Cái dùng để so sánh
CT Đ - T	Đề	Thuyết		

3.3. Dạng câu “Chủ ngữ - gia ngữ - vị tố - bổ ngữ”

Đây cũng là kiểu câu có vị tố *như* được mở rộng bằng thành phần gia ngữ, song, gia ngữ xuất hiện sau chủ ngữ. Trong các trường hợp này, phần đề của câu là chủ ngữ của cấu trúc cú pháp, là “cái được so sánh” của cấu trúc nghĩa biểu hiện. Phần

thuyết là tổ hợp “gia ngữ + vị tố + bổ ngữ” của cấu trúc cú pháp, là tổ hợp “cảnh huống + quan hệ so sánh + cái dùng để so sánh” của cấu trúc nghĩa biểu hiện. Câu (12) thuộc loại này.

Cấu trúc cú pháp, cấu trúc nghĩa biểu hiện, cấu trúc đề - thuyết của câu (12) được biểu diễn như sau:

	Con đường nhựa	dưới vòm cây tối đen thăm thẳm	như	một dòng sông chảy trong hang.
CT CP	Chủ ngữ	Gia ngữ	Vị tố	Bổ ngữ
CT NBH	Cái được so sánh	Không gian	Quan hệ so sánh	Cái dùng để so sánh
CT Đ - T	Đề	Thuyết		

3.4. Dạng câu “Liên tố/ và biệt tố - chủ ngữ - vị tố - bổ ngữ”

Ở dạng câu này, bên cạnh phần biểu thị nội dung sự tình còn xuất hiện những thành phần nằm ngoài phần biểu hiện sự tình. Đó là liên tố hoặc biệt tố và có thể xuất hiện

đồng thời cả hai loại thành phần biệt lập ấy. Khi đó, phần đề của câu có cấu tạo theo kiểu bội đề. Các câu 13, 14 thuộc loại này và mối quan hệ giữa cấu trúc đề - thuyết và cấu trúc cú pháp, cấu trúc nghĩa biểu hiện của chúng được biểu diễn bằng sơ đồ sau:

	Quả đúng như lời ông Dự,	nó	như	thằng ăn cắp chợ.
CT CP	Biệt tố	Chủ ngữ	Vị tố	Bổ ngữ
CT NBH		Cái được so sánh	Quan hệ so sánh	Cái dùng để so sánh
CT Đ - T	Đề tình thái	Đề - đề tài	Thuyết	
	Bôi đề			

	Còn	tất cả những cái khác	(sẽ) như	cơn gió thoảng qua thời
CT CP	Liên tố	Chủ ngữ	Vị tố	Bổ ngữ
CT NBH		Cái được so sánh	Quan hệ so sánh	Cái dùng để so sánh
CT Đ - T	Đề văn bản	Đề - đề tài	Thuyết	
	Bội đề			

Như vậy, kiểu câu có vị tố *như* biểu thị quan hệ so sánh trong tiếng Việt xuất hiện khá phong phú. Trường hợp điển hình, câu có cấu tạo ba phần gồm chủ ngữ - vị tố - bổ ngữ (khi xét về cấu trúc cú pháp). Trong trường hợp này, phần đề của cấu trúc đề - thuyết là thành phần chủ ngữ của cấu trúc cú pháp, là phần biểu thị “cái được so sánh” của cấu trúc nghĩa biểu hiện. Phần thuyết là “vị tố + bổ ngữ” của cấu trúc cú pháp, là “quan hệ so sánh + cái dùng để so sánh” của cấu trúc nghĩa biểu hiện. Cấu trúc cơ sở có thể được mở rộng bằng các thành phần phụ khác. Khi đó, quan hệ giữa cấu trúc đề - thuyết với cấu trúc cú pháp và cấu trúc nghĩa biểu hiện có những điểm khác biệt. Đồng thời, trong cấu tạo phần đề, sự xuất hiện đồng thời của các loại đề làm nên một tổ chức phức hợp (tổ chức bội đề).

Kết luận

Nghiên cứu kiểu câu có vị tố *như*, chúng tôi thấy bên cạnh tổ chức điển hình với khuôn hình ba bộ phận (chủ ngữ - vị tố - bổ ngữ), kiểu câu này còn xuất hiện dưới nhiều dạng thể khác. Mối quan hệ giữa ba cấu trúc (cấu trúc đề - thuyết, cấu trúc cú pháp, cấu trúc nghĩa biểu hiện) được thể hiện ở sự tương ứng giữa phần đề (của cấu trúc đề - thuyết) - chủ ngữ (của cấu trúc cú pháp) - cái được so sánh (của cấu trúc nghĩa biểu hiện); giữa phần thuyết (của cấu trúc đề - thuyết) - “vị tố + bổ ngữ” (của cấu trúc cú pháp) - “quan hệ so sánh + cái dùng để so sánh” (của cấu trúc nghĩa biểu hiện). Trên thực tế, mối quan hệ này còn có thể được thể hiện đa dạng hơn nữa. Tuy nhiên, chúng tôi cũng nhận thấy rằng, trật tự tương ứng trước - sau theo chiều

thuận được người nói / viết ưu tiên sử dụng. Hiện tượng này đang chờ đợi một sự giải thích hợp lý, thuyết phục.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thị Lan Anh (2005), *Sự tình quan hệ và câu quan hệ tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ.
2. Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
3. Diệp Quang Ban (2009), *Giao tiếp, diễn ngôn và cấu tạo của văn bản*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
4. M.A.K Haliiday (2005), *Dẫn luận ngữ pháp chức năng* (Hoàng Văn Vân dịch), Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
5. Cao Xuân Hạo (2004), *Tiếng Việt – Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Nguyễn Văn Hiệp (2009), *Cú pháp tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.
7. Nguyễn Văn Hiệp (2012), *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.
8. Hoàng Trọng Phiến (2008), *Ngữ pháp tiếng Việt – Câu*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
9. Nguyễn Minh Thuyết – Nguyễn Văn Hiệp (1994), *Thành phần câu tiếng Việt*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
10. Bùi Minh Toán, Nguyễn Thị Lương (2007), *GT Ngữ pháp tiếng Việt*, (Sách dự án đào tạo GV THCS), Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội.
11. Bùi Minh Toán (2012), *Câu trong hoạt động giao tiếp tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục Việt Nam.
12. Hoàng Văn Vân (2004), *Ngữ pháp kinh nghiệm của cú pháp tiếng Việt: Mô tả theo quan điểm chức năng hệ thống*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.